

Số: 32/2018/HS-ST
Ngày: 16/5/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bô Xuân Ngọc

Ông Từ Tuấn Hưng

- Thư ký phiên tòa:

Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Tín

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Khắc Quang - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2018/TLST-HS, ngày 19 tháng 4 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2018, đối với bị cáo:

Tạ Văn D, sinh năm 1990; Nơi sinh: H; Nơi cư trú: Thôn S, xã N, huyện T, H; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tạ Văn T và bà Đặng Thị L; Vợ là Hoàng Kiều O và có 01 con sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/12/2017 đến 31/12/2017. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1991 (Có mặt)

Trú tại: Thôn N, xã V, huyện T, H

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

Ông Hà Văn C, sinh năm 1969 (Có mặt)

Trú tại: Thôn B, xã N, huyện T, H

Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992 (Có mặt)

Trú tại: Thôn N, xã V, huyện T, H

- Người làm chứng

Anh Đặng Mạnh H, sinh năm 1991 (Có mặt)

Anh Đặng Quang B, sinh năm 1981 (Có mặt)

Cùng trú tại: Thôn S, xã N, huyện T, H

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 25/12/2017, Tạ Văn D cùng anh Đặng Mạnh H và anh Đặng Quang B từ phòng hát đi ra quầy để thanh toán tiền hát tại quán karaoke “A” ở thôn B, xã N, huyện T, H thì va vào người anh Nguyễn Văn P, anh P đã chửi D. Sau đó, hai bên đã xảy ra xô xát, D cùng với anh Đặng Mạnh H đấm, đá anh P. Được mọi người can ngăn nên anh P đi vào trong phòng hát và phát hiện bị mất sợi dây chuyền gắn nanh voi bọc vàng nên quay lại tìm thì lại xô xát, đánh nhau với D và anh Đặng Mạnh H. Thấy hai bên tiếp tục đánh nhau, anh Nguyễn Văn T đã vào can ngăn nhưng không được nên chạy vào bếp của quán hát lấy 01 con dao phúng lợn dài khoảng 40cm với mục đích dọa D và anh H để D và anh H không đánh anh P. Khi thấy anh T cầm dao thì anh H cũng chạy vào bếp của quán hát lấy 01 con dao gọt hoa quả, 01 con dao phúng lợn còn D nhặt 01 đoạn gậy nứa dài khoảng 2m rồi cả hai đuổi theo anh T để đánh nhưng anh T đã bỏ chạy. D và anh H đã dùng xe mô tô BKS 29Y5-215.75 đuổi theo anh T nhưng không kịp nên quay lại quán để cất dao thì thấy anh P vẫn ở quán. D bắt anh P gọi điện cho anh T, yêu cầu anh T quay lại quán để hai bên nói chuyện nhưng anh P nói với D là anh T không mang theo điện thoại vì anh T đã gửi điện thoại cho anh P giữ hộ. Đồng thời, anh P lấy từ trong túi quần mình 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus của anh T cho D nhìn. Thấy vậy, D đã yêu cầu anh P đưa điện thoại của anh T cho mình nhưng anh P không đưa, D trợn mắt chửi anh P. Thấy D trợn mắt lên chửi, anh P sợ bị đánh nên đã đưa điện thoại cho D. D cầm điện thoại của anh T do anh P đang giữ cất vào cốp xe máy của mình và yêu cầu anh P bảo anh T đến gặp D để nói chuyện rồi D đi về nhà. Sau đó, anh P đi tìm anh T nhưng không thấy nên đã đến Cơ quan công an trình báo sự việc. Sáng cùng ngày, D đã đến Ban công an xã N để đầu thú.

Hậu quả: Anh Nguyễn Văn P bị thương, xước tại vùng cổ và khai bị mất 01 sợi dây chuyền gắn nanh voi bọc vàng.

Tang vật của vụ án: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu đen đã qua sử dụng; 01 xe mô tô màu trắng BKS 29Y5 – 215.75; 01 con dao dài 35cm.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 104/KL – HĐĐG ngày 28/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T đã kết luận chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus có giá trị tại thời điểm giám định là 16.000.000 đồng.

Ngày 26/12/2017, Công an huyện T ra quyết định trưng cầu giám định thương tích của anh Nguyễn Văn P nhưng anh P từ chối giám định. Vì vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý hình sự đối với Tạ Văn D và Đặng Mạnh H về hành vi gây thương tích cho anh P, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với D và H.

* Về trách nhiệm dân sự:

- Chiếc điện thoại I phone 7 Plus đã được trả lại cho chủ sở hữu;
- Anh Nguyễn Văn P không yêu cầu bồi thường đối với thương tích của bản thân và không có đề nghị, thắc mắc gì đối với chiếc dây chuyền bị mất;
- Ông Hà Văn C là chủ quán hát “A” xác định quá trình các đối tượng xô xát, đánh nhau tại quán không gây hư hỏng và mất mát đồ vật gì nên ông C không yêu cầu bồi thường dân sự.

Hành vi dùng dao của anh T để hù dọa D và anh H chỉ với mục đích để D và anh H không đánh anh P nữa nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Tại Bản cáo trạng số: 30/CT – VKS ngày 18/4/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Tạ Văn D về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo Khoản 1 Điều 135 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là Khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự 2015).

Tại phiên tòa: Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quan điểm truy tố và kết luận như Cáo trạng truy tố. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đánh giá nhân thân, đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Tạ Văn D phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 135 Bộ luật Hình sự 1999; điểm g, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là Khoản 1 Điều 170; điểm h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015) đề nghị xử phạt bị cáo Tạ Văn D từ 15 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không thắc mắc, đề nghị bồi thường nên không xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn C, anh Nguyễn Văn T không đề nghị gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra – Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

2]. Tại phiên tòa, bị cáo Tạ Văn D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện ngày 25/12/2017, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với biên bản thu giữ vật chứng, bản kết luận định giá tài sản, phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 1 giờ ngày 25/12/2017, tại quán hát “A” ở thôn B, xã N, T, H đã xảy ra xô xát giữa Tạ Văn D với anh Nguyễn Văn P và anh Nguyễn Văn T. Do D muốn anh T đến gặp mình để nói chuyện nên D yêu cầu anh P gọi điện thoại cho anh T nhưng anh P nói không gọi được vì anh P đang giữ điện thoại hộ anh T. Do vậy, D yêu cầu anh P đưa điện thoại của anh T cho D, nhưng anh P không đưa nên D đã trợn mắt, chửi và quát anh P. Anh P sợ bị D đánh nên phải đưa điện thoại I phone 7 plus trị giá 16.000.000 đồng của anh T cho D.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là Khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự

năm 2015) như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm đối với bị cáo để giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung.

3]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã được trả lại chủ sở hữu, bị cáo phạm tội lần đầu, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p, g Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là điểm h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015).

Đánh giá tính chất, mức độ hành vi và nhân thân của bị cáo: Hội đồng xét xử nhận thấy hành vi phạm tội của bị cáo xuất phát từ mâu thuẫn giữa bị cáo với người bị hại, sau khi phạm tội bị cáo đã giao nộp tài sản cho cơ quan điều tra để trả cho chủ sở hữu khắc phục hậu quả, bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999 (nay là Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015) bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng xét nên không cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo là thỏa đáng.

5]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại điện thoại Iphone 7 Plus và không có yêu cầu nào khác nên Tòa không xét.

6]. Về tang vật của vụ án:

Cơ quan điều tra đã trả lại anh Nguyễn Văn P chiếc điện thoại Iphone 7 Plus. Anh P đã nhận lại điện thoại và không đề nghị gì nên Tòa không xét.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 29Y5-215.75, Cơ quan điều tra đã trả lại bị cáo D, bị cáo D đã nhận lại xe và không đề nghị gì nên Tòa không xét.

Đối với con dao dài 35 cm, chuôi dao bằng gỗ, lưỡi dao nhọn bằng kim loại màu nâu đen, thu giữ tại quán hát “A” là con dao do anh Đặng Mạnh H tự lấy trong quán để đuổi

đánh anh T. Cơ quan điều tra đã trả lại con dao trên cho ông Hà Văn C là chủ quán “A”, ông C đã nhận lại tài sản và không đề nghị nào khác nên Tòa không xét.

7]. Việc đánh nhau giữa bị cáo D, anh Hg với anh P, anh T tại quán của ông Hà Văn C không gây thiệt hại, ông C không yêu cầu bồi thường và đề nghị gì nên Tòa không xét.

8]. Đối với sợi dây chuyền có gắn nanh voi bọc vàng của anh Nguyễn Văn P, anh P khai bị mất trong lúc xô xát với bị cáo Tạ Văn D và anh Đặng Mạnh H ở quán “A”, anh P không đề nghị gì nên Tòa không xét.

9]. Đối với hành gây thương tích của Tạ Văn D và anh Đặng Mạnh H, do anh P từ chối giám định nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý hình sự đối với D và anh H. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với D và anh H là có căn cứ.

10]. Đối với thương tích của anh Nguyễn Văn P, Cơ quan điều tra đã ra quyết định trưng cầu giám định thương tích của anh Ph nhưng do thương tích nhẹ nên anh Ph đã có đơn từ chối giám định và cam kết không thắc mắc, đề gì nên Tòa không xét.

11]. Đối với hành vi dùng dao khua khoảng của anh Nguyễn Văn T, mục đích của anh T chỉ để dọa nhóm của D không đánh anh P nữa nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

12]. Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

13]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Tạ Văn D phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”

2. Về hình phạt: Áp dụng Khoản 1 Điều 135; điểm p, g Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là Khoản 1 Điều 170; điểm h, s Khoản 1 Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015):

Xử phạt: Tạ Văn D 15 (*Mười lăm*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (*Ba mươi*) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao Tạ Văn D cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, H giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án Hình sự.

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo Tạ Văn D phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP H;
- VKSND huyện T;
- Sở tư pháp H;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo; Người bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Trung Hòa

